TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ÂN THI** **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2025/HNGĐ - ST
Ngày 12 tháng 03 năm 2025
" *V/v ly hôn, con chung"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ÂN THI - TỈNH HƯNG YÊN
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông* **Nguyễn Đồng D**
- *Các hội thẩm nhân dân: Bà* **Hoàng Thị C**

Bà **Nguyễn Thị N**

Thư ký Toà án phiên toà: Ông **Dương Mạnh H**– Thư ký Tòa án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ân Thi tham gia phiên toà: Ông **Trần Xuân T** - Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 03 năm 2025, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Ân Thi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 68/2024/TLST-HNGĐ ngày 26/11/2024 về việc giải quyết ly hôn, con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2025/DSST - QĐXX ngày 05/02/2025 và và Quyết định hoãn phiên tòa số 08 ngày 25/02/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị T, sinh năm 1983

Bị đơn: Anh Đào Văn H, sinh năm 1983

Địa chỉ: Đỗ Xuyên, Hoàng Hoa Thám, Ân Thi, Hưng Yên

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Cháu Đào Thị Minh H, sinh năm 2008 và cháu Đào Kim H, sinh năm 2011

Người đại diện cho cháu H, cháu H: Chị T

Chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh H vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 30/7/2024 của chị T và các lời khai của chị T trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện như sau:

Chị Bùi Thị T và anh Đào Văn H lấy nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hoàng Hoa Thám, Ân Thi, Hưng Yên vào năm 2008. Quá trình chung sống vợ chồng tồn tại nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo chị T trình bày là do bất đồng quan điểm sống, do anh H không tu chí làm ăn, không quan tâm, không có trách nhiệm gì đối vợ, con, vợ chồng cũng đã tìm nhiều giải pháp để hàn gắn tình cảm, khắc phục những mâu thuẫn đang tồn tại nhưng không có kết quả gì, cuộc sống vợ chồng tẻ nhạt, mặc dù vẫn ở cùng nhau nhưng việc ai người đó làm, tình cảm lanh nhạt, từ khoảng tháng 06,07 năm 2024 vợ chồng sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ. Chị T xác định không còn tình cảm, hạnh phúc không thể níu kéo nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

Về con chung: Chị T, anh H có 02 con chung tên Đào Thị Minh H, sinh năm 2008 và Đào Kim H, sinh năm 2011. Chị T có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai con chung đến tuổi thành niên và không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện gia đình anh H có quan điểm: Chị T và anh H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại địa phương theo quy định của pháp luật, trong cuộc sống vợ chồng anh H, chị T cũng tồn tại nhiều mâu thuẫn, xô xát nhưng vì con, vì gia đình nên vợ chồng vẫn ở cùng nhau, khoảng tháng 07 năm 2024 chị T có nhiều thay đổi, tính cách khác trước rất nhiều, không còn tâm, trách nhiệm gì đối với gia đình, vợ chồng sống ly thân, tình cảm lạnh nhạt, cuộc sống của ai người đó tự lo, gia đình cũng hàn gắn nhiều nhưng không có kết quả. Vợ chồng anh H có 02 con chung tên Đào Thị Minh H, sinh năm 2008 và Đào Kim H, sinh năm 2011, cháu H ở cùng chị T, cháu H ở cùng anh H và gia đình. Vợ chồng anh H có hay không có tài sản chung gia đình không nắm được.

Quan điểm cháu H trình bày: Cháu là con út của anh H, chị T, hiện nay cháu đang ở cùng anh H, mặc dù ở với bố nhưng bố cũng không quan tâm, còn mẹ và chị gái thì quan tâm đến cháu, hiện nay bố mẹ không ở cùng nhau, nguyên nhân, lý do vì sao thì cháu không biết, nếu bố mẹ ly hôn thì cháu có nguyện vọng ở với mẹ.

Quan điểm của cháu H trình bày: cháu là con lớn của anh H, chị T. hiện nay cháu ở cùng mẹ. Trong cuộc sống cháu thấy bố mẹ tồn tại nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, bố mải chơi, không chịu làm ăn, hai bố mẹ không ở với nhau được khoảng 6 đến 7 tháng. Nay bố mẹ ly hôn, cháu có nguyện vọng ở với mẹ.

Xác minh với chính quyền ủy ban nhân dân xã Hoàng Hoa Thám: Anh H và chị T có đăng ký kết hôn tại địa phương vào năm 2008. Quá trình chung sống vợ chồng anh H có mâu thuẫn gì nảy sinh hay không địa phương không nắm được, hiện nay vợ chồng anh H không ở cùng nhau, anh H chưa có công việc ổn định. Vợ chồng anh H ly hôn, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Vợ chồng anh H có 02 con chung tên Đào Thị Minh H, sinh năm 2008 và Đào Kim H, sinh năm 2011, cháu Huệ ở cùng chị T còn cháu H ở cùng anh H. Vợ chồng anh H có hay không có tài sản chung, địa phương không nắm được.

Đối với anh H: Tòa án đã trực tiếp gặp anh H để ghi quan điểm của anh H về các vấn đề cần giải quyết trong vụ án, cụ thể anh H trình bày: Anh H và chị T kết hôn là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hoàng Hoa Thám, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên vào năm 2008. Vợ chồng chung sống cùng nhau có nhiều mâu thuẫn khi chị T có sự thay đổi về cách sống và suy nghĩ, qua tìm hiểu anh H đã biết được lý do của sự thay đổi đó và chị T cũng đã thừa nhận và xin lỗi anh cũng như gia đình nhưng anh không chấp nhận, vợ chồng đã sống ly thân nhau từ nhiều tháng nay, hai bên đã chấm dứt mọi quan hệ, anh H xác định không còn tình cảm nên cũng nhất trí ly hôn. Vợ chồng có 02 con chung tên Đào Thị Minh H, sinh năm 2008 và Đào Kim H, sinh năm 2011, vì không có điều kiện để nuôi con nên anh H để cho chị T nuôi dưỡng cả hai con chung. Về tài sản chung, công nợ, công sức: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi đã trình bày quan điểm và đã được tự đọc lại, nghe đọc lại quan điểm của mình nhưng anh H đã từ chối ký nhận vào biên bản ghi lời khai.

Ngày 25/2/2025 Tòa án mở phiên tòa để xét xử vụ án, chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh H vắng mặt nên Hội đồng xét xử đã quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa ngày 12/3/2025 chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh H vắng mặt lần thứa hai không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 238 xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định tại Điều 48 BLTTDS trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, người làm chứng: Đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 và 78 BLTTDS. Bị đơn: Đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng bị đơn có đơn xin vắng mặt. Việc Tòa án lập biên bản về việc không hòa giải được do bị đơn vắng mặt và tòa án đã nhận được quan điểm giải quyết vụ án của bị đơn là đúng quy định tại khoản 2 Điều 207, 208 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 21; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Nghị quyết số 326 về án phí, lệ phí, khoản 1 Điều 51, Điều 55, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Đề nghị xử:

Về quan hệ vợ chồng: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Bùi Thị T và anh Đào Văn H.

Về con chung: Giao hai cháu Đào Thị Minh H, sinh 24/11/2008; cháu Đào Kim H, sinh ngày 17/6/2011 cho chị T nuôi dưỡng, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, công sức và công nợ: Không có, nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; áp dụng khoản 3 Điều 11 Nghị quyết số 01 /2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình. Anh H, chị T phải chịu án phí theo quy định. Anh H, chị T phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi đã nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về thẩm quyền: Chị Bùi Thị T có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án xem xét giải quyết việc ly hôn và con chung giữa chị với anh Đào Văn H. Tòa án xác định đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Bị đơn trong vụ án là anh Đào Văn H có hộ khẩu thường trú tại Thôn Đỗ Xuyên, xã Hoàng Hoa Thám, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1

Điều 39 của BLTTDS, Tòa án nhân dân huyện Ân Thi thụ lý và giải quyết vụ án là đúng quy định.

Về việc kết hôn của chị T, anh H: Chị T, anh H lấy nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hoàng Hoa Thám, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên vào năm 2008, việc kết hôn của anh chị đảm bảo các quy định của pháp luật. Do vậy hôn nhân của chị T, anh H là hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Chị T có đơn xin ly hôn sẽ áp dụng Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Qua lời khai của của các đương sự trong vụ án đã thể cuộc sống vợ chồng giữa chị T và anh H không hạnh phúc, tồn tại rất nhiều mâu thuẫn và cả hai đều không tự giải quyết được, bản thân hai bên cũng đã có thời gian dài sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ, không ai còn quan tâm, trách nhiệm với ai. Điều đó chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn tồn tại đã quá trầm trọng, hạnh phúc hôn nhân không thể duy trì, chị T đề nghị được ly hôn và anh H cũng nhất trí. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình công nhận thuận tình ly hôn giữa chị T với anh H.

Về con chung: Chị T, anh H có 02 con chung Đào Thị Minh H, sinh năm 2008 và Đào Kim H, sinh năm 2011. Chị T có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung đến tuổi thành niên, không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Nguyện vọng của chị T là chính đáng, thể hiện được tình cảm, trách nhiệm của người mẹ đối với các con chung chưa thành niên, mặt khác nguyện vọng của cháu H, cháu H cũng mong muốn được ở với chị T. Để đảm bảo về cuộc sống cũng như tránh những ảnh hưởng không tốt đến sự phát triển về tâm, sinh lý cho các cháu, cần thiết phải giao cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung đến tuổi thảnh niên. Ghi nhận sự tự nguyện của chị T về việc không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Chị T, anh H không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị T, anh H phải chịu án phí STDS theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 51, Điều 55, Điều 81,82,83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 238, khoản 4 Điều 147 của BLTTDS, Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân gia đình, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ vợ chồng: Công nhận thuần tình ly hôn giữa chị Bùi Thị T và anh Đào Văn H.

2. Về con chung: Giao cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung là Đào Thị Minh H, sinh năm 2008 và Đào Kim H, sinh năm 2011 đến tuổi thành niên, anh H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh H có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản chung, công nợ, công sức: Không giải quyết.

4. Về án phí: Chị T phải chịu 75.000 đồng án phí sơ thẩm dân sự ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001385 ngày 26/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ân Thi. Hoàn trả chị T số tiền 225.000 đồng án phí DSST. Anh H phải chịu 75.000 đồng án phí DSST.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú theo quy định.

Nơi nhận
- VKS huyện, tỉnh;
- Các đương sự;
- UBND xã Hoàng Hoa Thám;
- THADS;
;- Lưu HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đồng D